TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 3 - 2021
V/v tranh chấp "Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp "*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Khóm Nguyễn U, Phường Khánh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị D và anh Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 05/10/2020 bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Hôn nhân của chị và anh Th qua tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 09, ngày 03/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên gia đình anh Th, sau đó cùng nhau đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh thì xảy ra cự cải dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do anh Th không chung thủy có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, chị đã khuyên ngăn nhưng không được nên vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 05 năm 2020 đến nay. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H sinh ngày 24/01/2015, trước đây khi vợ chồng đi làm xa có nhờ cha mẹ anh Th phụ giúp chăm sóc cháu; tuy nhiên, hiện tại cháu H do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay; do đó, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: anh và chị D không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và thừa nhận do anh có quan hệ tình cảm, sống chung với người khác nên anh với chị D đã ly thân từ tháng 9 năm 2019. Nay anh đồng ý ly hôn. Về con chung yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị D và anh Th được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và chị D yêu cầu ly hôn anh Th đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Th Hóa, sinh ngày 24/01/2015, hiện đang sống với chị D. Chị

D và anh Th đều yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, cuộc sống ổn định và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Th là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Quới, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung: Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2017 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được; chị D yêu cầu ly hôn và anh Th đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Th.

Về nuôi con chung: anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Th Hóa, sinh ngày 01/08/2015 hiện tại đang sống với chị D, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi thành niên hoặc tự lập được, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con. Anh Th yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi

con; về quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với con. Trường hợp, vợ chồng không tự thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Hiện tại cháu H do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, cuộc sống ổn định; mặc khác, anh Th không có chứng cứ nào khác chứng minh rằng chi D không đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con; do đó, yêu cầu của anh Th được nuôi cháu H là không có căn cứ xem xét chấp nhận. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao cháu Hóa cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được; anh Th không phải cấp dưỡng cho con. Chị D phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Th đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị D không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh Th có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh Th phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 03/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho chị D và anh Th không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Th Hóa, sinh ngày 24/01/2015 đến thành niên hoặc tự lập được; Anh Th không phải cấp dưỡng cho con.

Chị D phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Th đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị D không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh Th có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001524 ngày 06/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Anh Th không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thành, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Bích Tuyền